

Số: 429/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 030192001696 cấp ngày 21/7/2022; HKTT: **thôn X, xã P, thành phố Hà Nội** và trú tại: **tòa S, căn hộ A, khu đô thị V, xã G, thành phố Hà Nội**;

- Bị đơn: Anh **Trần Đức N**, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 001091018771 cấp ngày: 10/7/2022; HKTT và trú tại: **thôn X, xã P, thành phố Hà Nội**;

- Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị **Nguyễn Thị D** và anh **Trần Đức N**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị **Nguyễn Thị D** và anh **Trần Đức N** thuận tình ly hôn.
  - 2.2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đức N xác nhận có 02 con chung là Trần Đức T An ngày 27/10/2016 và Trần Ngọc Minh C sinh ngày 19/5/2022.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đức N: Giao 02 cháu Trần Đức T A và Trần Ngọc Minh C cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Đức N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản

2.3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D chịu toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai số 0007150 ngày 26/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị D được hoàn trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tp Hà Nội;
- UBND xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (nay là xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội);
- (Nơi ĐKKH ngày 23/9/2016);
- THADS Tp Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**  
**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Thanh Phương**